

<b>THUỐC BẢO QUẢN GỖ LN.2</b>	<b>TCVN 3722-82</b>
	Có hiệu lực từ 01-01-1984
Препарат «LN2» для пропитки древесины      LN.2 wood preservative	

Tiêu chuẩn này áp dụng cho thuốc bảo quản gỗ LN.2 dùng để phòng chống nấm mục cho gỗ tươi và gỗ khô.

## 1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1. Về dạng bên ngoài và màu sắc, thuốc bảo quản gỗ LN.2 phải theo đúng các yêu cầu quy định ở bảng 1.

Bảng 1

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Dạng bên ngoài Màu sắc	Bột, mịn khô Màu da cam

1.2. Thành phần và tỷ lệ pha chế thuốc phải theo đúng các yêu cầu quy định ở bảng 2.

Bảng 2

Tên hóa chất	Tỷ lệ (%)
NaF	59
C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> ONa	9
Na <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>7</sub> hoặc K <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>7</sub>	32

## 2. PHƯƠNG PHÁP THỬ

2.1. Lấy mẫu: Lấy mẫu ở 5% đơn vị bao gói (bao) của lô hàng.

Lô hàng là sản phẩm của mỗi ca sản xuất khối lượng khoảng hai tấn, được nhập kho cùng một lúc.

Ở mỗi bao lấy 0,2g thuốc ở một vị trí cách miệng bao một khoảng cách bằng 3/4 chiều cao của bao.

## 2.2 Thử cảm quan:

Quan sát dạng bên ngoài và màu sắc của thuốc theo như hướng dẫn. Chú ý quan sát màu sắc thuốc ngoài ánh sáng.

## 2.3. Xác định hàm lượng NaF

### 2.3.1. Dụng cụ và thuốc thử

Cân phân tích

Cốc phân tích

Bình tam giác 250ml

Natri hydroxyl dung dịch chuẩn

Axit clohydric dung dịch

Phenolphthalein dung dịch.

### 2.3.2. Cách tiến hành

Cân 0,2g mẫu cho vào bình tam giác 250ml thêm vào 50ml nước cất, 1g Si<sub>2</sub>O và 2g KCl, 40 ml HCl 0,1N. Đun sôi nhẹ, cho thêm 4 -- 5 giọt liên hợp chỉ thị dung dịch có màu tím hồng, dùng NaOH 0,1N chuẩn cho đến khi hết màu tím hồng (pH = 3,5 - 4).

2.3.3. Tính kết quả hàm lượng NaF tính bằng % (X<sub>1</sub>) theo công thức:

$$X_1 = \frac{(40K_1 - V_3K_2) \cdot 0,0065 \cdot 100}{0,2}$$

trong đó:

V<sub>3</sub> — lượng dung dịch NaOH tiêu tốn khi chuẩn độ, tính bằng ml;

K<sub>1</sub> — hiệu số điều chỉnh nồng độ HCl 0,1N;

K<sub>2</sub> — hiệu số điều chỉnh nồng độ NaOH 0,1N

## 2.4. Xác định hàm lượng C<sub>6</sub>Cl<sub>5</sub>ONa

### 2.4.1. Dụng cụ và thuốc thử

Cân phân tích;

Cốc phân tích;

Bình tam giác 250 ml;

Buret chuẩn 25 ml;

Paenolphthalein dung dịch;

Natri hydroxyl dung dịch 0,1 N;

Clorofoc;

Axit clohydric dung dịch 1:1.

## 2.4.2. Cách tiến hành

Giấy lọc và kết quả cho vào bình tam giác 250 ml, thêm vào 15ml clorofoc lắc cho tan đều, thêm vào 3 giọt phenolphthalein. từ buret chuẩn bằng dung dịch NaOH 0,1N cho đến khi xuất hiện màu hồng.

2.4.3. Tính kết quả: hàm lượng  $C_6Cl_5ONa$  ( $X_2$ ) tính bằng % theo công thức:

$$X_2 = \frac{V_2 N_2 \cdot 28,35}{a}$$

trong đó:

$V_2$  — lượng dung dịch NaOH tiêu tốn trong quá trình chuẩn độ, tính bằng ml;

$N_2$  — nồng độ dung dịch NaOH, tính bằng g

$a$  — lượng mẫu cần, tính bằng g.

2.5. Xác định hàm lượng  $K_2Cr_2O_7$ 

## 2.5.1. Dụng cụ và thuốc thử

Cân phân tích:

Cốc phân tích:

Bình định mức 250 ml;

Pipet 25 ml;

Ống đong 25 — 50 ml;

Buret 25 ml;

Axit clohydric 1:1;

Natri thiosunfat 0,1N;

Hồ tinh bột 1% trong nước cất.

## 2.5.2. Cách tiến hành:

Hút chính xác 25ml dung dịch trong bình định mức thêm vào 100ml dung dịch Kali iodua (KI) 10% và 10ml dung dịch HCl nồng độ 1:1 lắc đều trong 5 — 10 phút.

Từ buret chuẩn, bằng dung dịch natri thiosunfat ( $Na_2S_2O_3$ ) 0,1N với chỉ thị hồ tinh bột (3 giọt vào gần điểm tương đương cho đến khi dung dịch mất màu xanh).

2.5.3. Tính kết quả: hàm lượng  $K_2Cr_2O_7$  ( $X_3$ ) tính bằng % theo công thức:

$$X_3 = \frac{V_1 N_1 \cdot 122,5}{V_2 a}$$

trong đó:

$V_1$  — lượng dung dịch  $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$  0,1N sử dụng khi chuẩn độ, tính bằng ml; -

$N_1$  — nồng độ dung dịch  $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ , tính bằng g

$V_2$  — lượng dung dịch lọc hút để chuẩn độ, tính bằng ml;

$a$  — lượng mẫu cân, tính bằng g.

### 3. BAO GÓI, GHI NHÃN, VẬN CHUYỀN VÀ BẢO QUẢN

3.1. Thuốc bảo quản gỗ LN.2 đựng trong bao có khối lượng không lớn hơn 30 kg.

3.2. Bao đựng thuốc LN.2 được làm bằng hai lớp, lớp trong là màng chống ẩm, pôlyêtylen dày, lớp ngoài 4 lượt giấy ximăng.

3.3. Nhãn được ghi với nội dung sau:

« Thuốc bảo quản LN.2 dùng để phòng chống nấm mục hại gỗ »; Tên cơ quan quản lý cơ sở sản xuất: Tên cơ sở sản xuất: Địa chỉ cơ sở sản xuất.

Thời gian sản xuất (tháng, năm):

Khối lượng thuốc và cả bì:

Các dấu hiệu phòng ngừa: dễ cháy; độc hại với người và gia súc;

Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn của sản phẩm.

3.4. Trong quá trình vận chuyển và cất trữ thuốc bảo quản gỗ LN.2 phải tránh xa lửa, thuốc được để nơi khô ráo, thoáng mát.

3.5. Trong sản xuất, vận chuyển, bảo quản và sử dụng thuốc, cần áp dụng mọi biện pháp đảm bảo an toàn cho người và gia súc.